

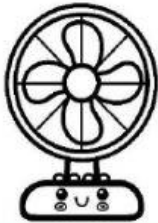


TIẾNG VIỆT

AT, ÂT, ẮT, ET, ÊT, IT



Câu 1. Chọn từ và hình cho phù hợp:



cái quạt

dệt vải

trái mít

lọ mật

vết mỡ đỏ

đôi mắt

Câu 2. Nối từ với từ:

Trời

mát mẽ.

Cô dạy bé

áo cho bé.

Me giặt

cắt giấy.

Câu 3. Chọn từ thích hợp cho các câu sau:

- Bé chơi thợ dệt.
- Mẹ là đất sét.
- Bịt mắt bắt dê.

Câu 4. Điền ăt hay ât:

rủa m..... ; b..... ti vi;

b.....tay; tr.....tự.

Câu 5. Chọn từ đúng:



quét nhà

quết nhà



ngày tết

ngày tết



cà vạt

cà vịt



vật bầu

vịt bầu

Câu 6. Viết 1 câu có chữ:

quét nhà

quả mít

mặt trời

phát quà

Câu 7. Đọc và trả lời các câu hỏi sau:

Bà kể cho bé nghe về chú vịt bầu. Bé mê tí. Về nhà, bé vẽ chú vịt bầu ở bờ ao. Sau đó, cả nhà vừa hát vừa múa. Vui thật là vui.

1. Tiếng trong bài có vần it:

2. Bà kể cho bé nghe về con gì?

- ☐ chú heo.
- ☐ chú vịt bầu.
- ☐ chú gà mái.



3. Bé vẽ chú vịt bầu ở đâu?

- ☐ ở bờ ao.
- ☐ ở sở thú.
- ☐ ở quê.

4. Điền vào chỗ trống:

Sau đó, cả nhà làm gì?

➤ Sau đó, cả nhà